



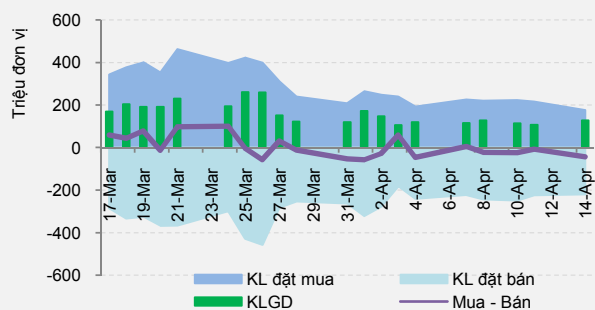
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 14/4/2014

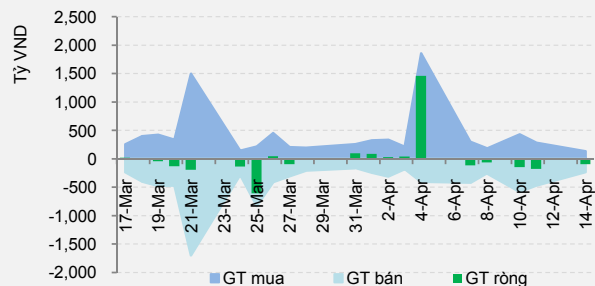
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	596.1	86.8
% Thay đổi	↓ -0.7%	↓ -0.8%
KLGD (CP)	128,080,220	61,004,770
GTGD (tỷ đồng)	2,587.25	736.15
Tổng cung (CP)	218,167,230	107,187,200
Tổng cầu (CP)	175,608,340	85,446,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,336,460	1,024,300
KL mua (CP)	4,706,640	836,860
GTmua (tỷ đồng)	136.94	12.99
GT bán (tỷ đồng)	228.96	13.04
GT ròng (tỷ đồng)	(92.01)	(0.05)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Nghành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.11%	10.1	2.4	4.6%
Công nghiệp	↓ -0.85%	-	1.3	13.8%
Dầu khí	↓ -1.84%	7.7	2.1	3.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.67%	13.5	1.9	1.9%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.61%	11.7	3.3	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.93%	13.1	5.0	11.7%
Ngân hàng	↓ -0.39%	14.0	1.4	9.5%
Nguyên vật liệu	↓ -0.30%	13.0	2.2	14.5%
Tài chính	↓ -1.22%	14.6	2.4	28.5%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.58%	12.8	4.8	11.6%
VN - Index	↓ -0.74%	14.8	3.2	77.9%
HNX - Index	↓ -0.80%	20.0	1.6	22.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	976,720	0.8%	668,590	0.5%
GTGD (tỷ VND)	35,981	1.5%	32,142	1.3%

THỊ TRƯỜNG TIẾP PHIÊN GIẢM ĐIỂM - DÒNG TIỀN THAM GIA THỊ TRƯỜNG THẬN TRỌNG - KLGD THẤP

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận phiên giảm điểm thứ 3 liên tiếp, khi kiểm định không thành công mốc đỉnh gần nhất 609 điểm. Chỉ số HNX-Index tiếp tục phiên giảm điểm nhẹ thứ 3 liên tiếp, phản ứng với ngưỡng cản của đường MA 12 ngày. Mức độ giảm điểm của thị trường chung không nhiều, KLGD duy trì ở mức trung bình thấp như các phiên giao dịch trước đó. Áp lực cung giá thấp không quá lớn tuy nhiên dòng tiền tham gia thị trường có xu hướng thận trọng.

Diễn biến thị trường phục hồi từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật không đi kèm với cải thiện thanh khoản cho tín hiệu kém tích cực về động lực thị trường. **Chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh tích lũy.** Ngưỡng hỗ trợ gần nhất là khoảng +/-595 điểm, tương đương đường MA12 ngày. Ngưỡng hỗ trợ mạnh hơn là +/-575 điểm, tương đương mốc đáy gần nhất đã thiết lập. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất là khoảng +/-85 điểm, tương đương mốc đáy gần nhất đã thiết lập. Sự phân hóa cổ phiếu dự báo tiếp tục diễn ra rõ nét dựa trên kỳ vọng KQKD Q1 và thông tin hỗ trợ mùa ĐHCĐ.

Vùng tích lũy cản hình thành với KLGD tích cực để thị trường vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 609 điểm. Trong trường hợp KLGD duy trì ở mức thấp, động lực thị trường dự báo chưa đủ để tiếp tục xu hướng tăng ngắn hạn, nếu có sẽ chỉ phụ thuộc nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn.

Nhà đầu tư DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC. Nhà đầu tư ngắn hạn chưa nên nóng vội tham gia thị trường.

- Chỉ số VN-Index giảm 4.46 điểm (0.74%), xuống 596.11 điểm, sát mức thấp nhất trong phiên. Mức cao nhất trong phiên là 602.7 điểm.

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.69 điểm (0.79%), xuống 86.79 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 86.38 điểm.

- Theo NHNN, từ nay đến cuối năm, ngành Ngân hàng sẽ quan tâm hạ lãi suất các khoản vay cũ từ mức 12 - 13%/năm còn khoảng 10%/năm để tạo điều kiện cho doanh nghiệp. Mức giảm tùy thuộc vào năng lực tài chính, giá vốn, quy mô và chiến lược kinh doanh của từng ngân hàng. Với bối cảnh hoạt động Ngân hàng còn nhiều khó khăn hiện tại, việc giảm lãi suất các khoản vay cũ dự báo còn cần thời gian, không có sự điều chỉnh đột biến. Hiện lãi suất cho vay cũ còn cao trên 13%/năm chủ yếu là lãi suất cho vay trung và dài hạn, cho vay chứng khoán, cho vay tiêu dùng và những doanh nghiệp có nguy cơ phá sản.

- Dự thảo Quyết định về đẩy mạnh thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp giai đoạn 2013 - 2015, trong đó cho phép được thoái vốn đầu tư ngoài ngành dưới mệnh giá, do Bộ Tài chính soạn thảo đang được Bộ Tư pháp thẩm định. Sau khi có ý kiến của Bộ Tư pháp, dự kiến Bộ Tài chính sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành ngay trong tháng 4/2014.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Trung tính	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm 4.46 điểm (0.74%), xuống 596.11 điểm, sát mức thấp nhất trong phiên. Mức cao nhất trong phiên là 602.7 điểm.

- KLGD giảm 7% so với phiên giao dịch trước, xuống 96 triệu đơn vị.

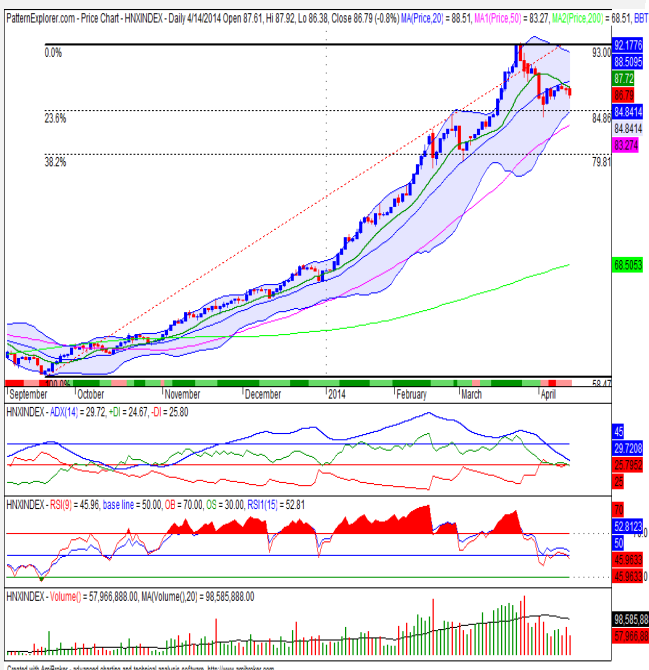
- Chỉ số RSI14 giảm nhẹ xuống 54 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng. MACD 9 ngày dao động sát phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận phiên giảm điểm thứ 3 liên tiếp, khi kiểm định không thành công mốc đỉnh gần nhất 609 điểm. Mức độ giảm điểm của thị trường chung không nhiều, KLGD duy trì ở mức trung bình thấp như các phiên giao dịch trước đó. Áp lực cung giá thấp không quá lớn tuy nhiên dòng tiền tham gia thị trường có xu hướng thận trọng.

Diễn biến thị trường phục hồi từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật không đi kèm với cải thiện thanh khoản cho tín hiệu kém tích cực về động lực thị trường. **Chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh tích lũy tại ngưỡng cản kỹ thuật.** Ngưỡng hỗ trợ gần nhất là khoảng +/-595 điểm, tương đương đường MA12 ngày. Ngưỡng hỗ trợ mạnh hơn là +/-575 điểm, tương đương mốc đáy gần nhất đã thiết lập. Sự phân hóa cổ phiếu dự báo tiếp tục diễn ra rõ nét dựa trên kỳ vọng KQKD Q1 và thông tin hỗ trợ mùa ĐHCĐ.

Vùng tích lũy cản hình thành với KLGD tích cực để thị trường vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật 609 điểm. Trong trường hợp KLGD duy trì ở mức thấp, động lực thị trường dự báo chưa đủ để tiếp tục xu hướng tăng ngắn hạn, nếu có sẽ chỉ phụ thuộc nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.69 điểm (0.79%), xuống 86.79 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 86.38 điểm.

- KLGD giảm 25% so với phiên giao dịch trước, xuống 57.9 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống 51 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng. MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh giảm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục phiên giảm điểm nhẹ thứ 3 liên tiếp, phản ứng với ngưỡng cản của đường MA 12 ngày. Mức độ giảm điểm của thị trường chung không nhiều với KLGD theo chiều hướng giảm dần. Áp lực cung giá thấp không quá lớn tuy nhiên dòng tiền tham gia thị trường có xu hướng thận trọng.

Diễn biến thị trường phục hồi từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật không đi kèm với cải thiện thanh khoản cho tín hiệu kém tích cực về động lực thị trường. **Chỉ số HNX-Index vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh tích lũy tại ngưỡng cản kỹ thuật.** Ngưỡng hỗ trợ gần nhất là khoảng +/-85 điểm, tương đương mốc đáy gần nhất đã thiết lập. Sự phân hóa cổ phiếu dự báo tiếp tục diễn ra rõ nét dựa trên kỳ vọng KQKD Q1 và thông tin hỗ trợ mùa ĐHCĐ.

Nhà đầu tư DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC. Việc gia tăng tỷ trọng đối với mục tiêu ngắn hạn chỉ nên xem xét khi chỉ số Index vượt qua vùng kháng cự đi kèm với thanh khoản tích cực.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

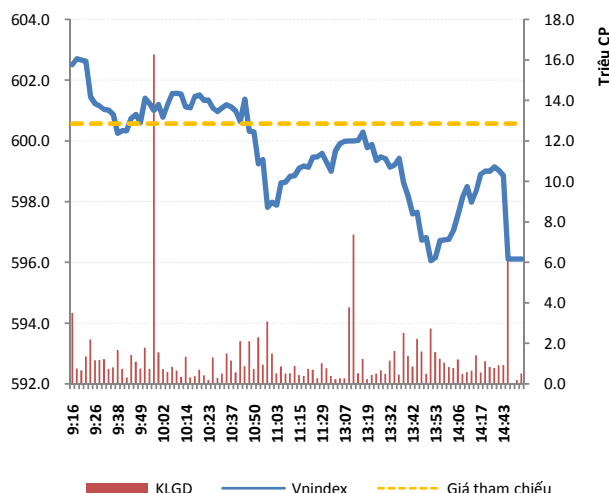
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 10/04/2014

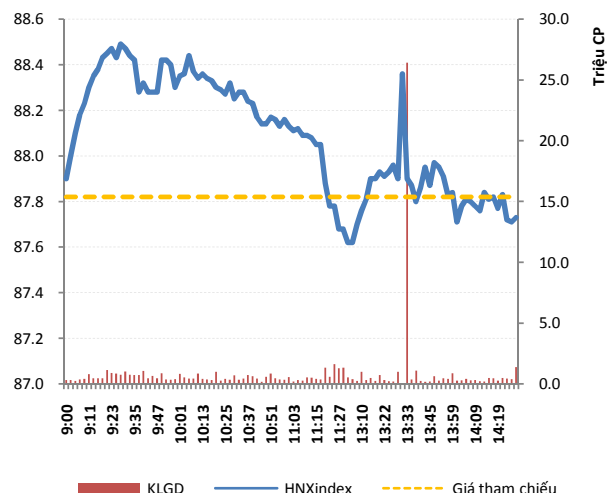


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

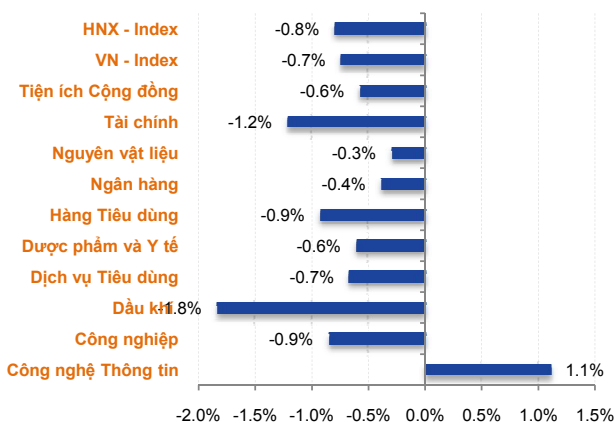
KLGD và VN-Index trong phiên



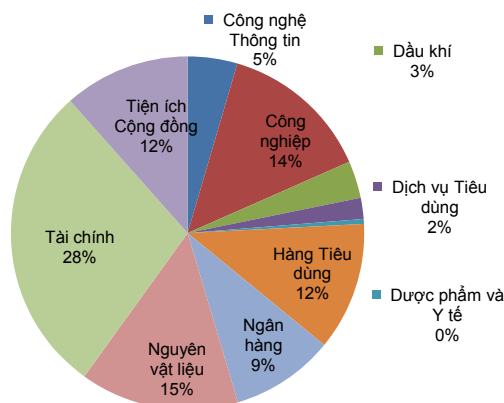
KLGD và HNX-Index trong phiên



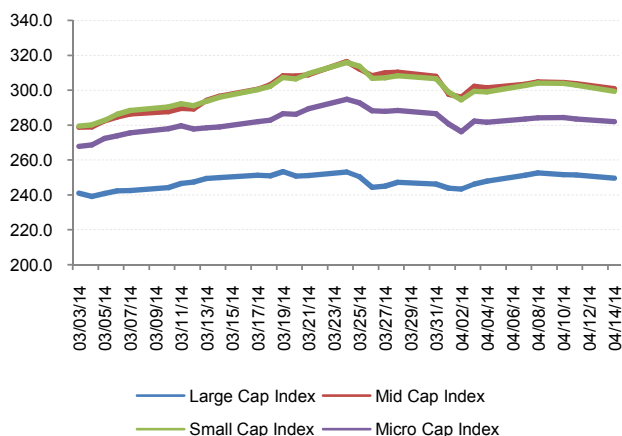
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



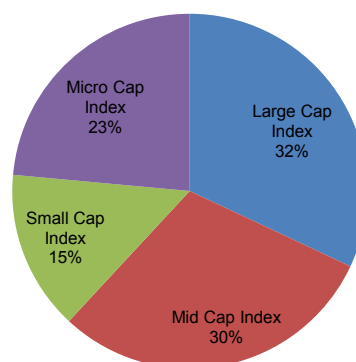
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DIG	765,720	DPM	2,968,230
2	DXG	697,240	HAG	770,630
3	VCB	280,970	VIC	418,670
4	ITA	223,150	TTP	76,800
5	KBC	208,040	GAS	76,710

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	219,900	SHB	611,700
2	VND	93,000	KSD	40,000
3	SDH	50,000	DHP	20,000
4	VIG	40,000	SD6	20,000
5	VCV	35,800	PHH	18,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
TBC	18.7	18.7	→ 0.00%	15,245,730
CTG	16.6	16.5	↓ -0.60%	10,483,100
FLC	15.1	15.3	↑ 1.32%	8,497,510
ITA	10.1	9.8	↓ -2.97%	7,506,820
DPM	40.0	38.7	↓ -3.25%	4,619,660

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	6.2	6.2	→ 0.00%	6,133,217
SHB	11.1	11.0	↓ -0.90%	5,907,215
SHS	12.2	11.8	↓ -3.28%	5,014,100
KLS	14.6	14.1	↓ -3.42%	4,168,300
SCR	10.8	10.5	↓ -2.78%	3,411,700

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	19.0	20.3	1.3	↑ 6.84%
TSC	15.1	16.1	1.0	↑ 6.62%
SSC	44.0	46.9	2.9	↑ 6.59%
STG	27.8	29.6	1.8	↑ 6.47%
MCG	8.1	8.6	0.5	↑ 6.17%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCM	12.0	13.2	1.2	↑ 10.00%
VE2	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
VXB	13.0	14.3	1.3	↑ 10.00%
TET	16.1	17.7	1.6	↑ 9.94%
HCT	9.1	10.0	0.9	↑ 9.89%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KAC	11.7	10.9	-0.8	↓ -6.84%
CMV	13.4	12.5	-0.9	↓ -6.72%
ASIAGF	9.0	8.4	-0.6	↓ -6.67%
NHW	12.0	11.2	-0.8	↓ -6.67%
KHP	16.5	15.5	-1.0	↓ -6.06%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSD	45.0	40.5	-4.5	↓ -10.00%
LDP	59.0	53.1	-5.9	↓ -10.00%
VC3	17.0	15.3	-1.7	↓ -10.00%
S12	8.1	7.3	-0.8	↓ -9.88%
LBE	14.2	12.8	-1.4	↓ -9.86%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
TBC	15,245,730	16.9%	2,370	7.9	1.3
CTG	10,483,100	13.2%	1,818	9.1	1.1
FLC	8,497,510	8.1%	1,106	13.8	1.2
ITA	7,506,820	1.3%	140	70.1	0.9
DPM	4,619,660	23.4%	5,644	6.9	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	6,133,217	-82.6%	(4,057)	-	2.3
SHB	5,907,215	8.6%	958	11.5	0.9
SHS	5,014,100	1.5%	116	101.4	1.5
KLS	4,168,300	5.5%	716	19.7	1.1
SCR	3,411,700	0.4%	53	198.1	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDW	↑ 6.8%	16.7%	2,524	8.0	1.3
TSC	↑ 6.6%	2.5%	397	40.5	1.0
SSC	↑ 6.6%	27.1%	5,160	9.1	2.3
STG	↑ 6.5%	18.2%	2,881	10.3	1.8
MCG	↑ 6.2%	-28.6%	(3,392)	(2.5)	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CCM	↑ 10.0%	2.2%	548	-	0.5
VE2	↑ 10.0%	14.6%	1,666	7.3	1.0
VXB	↑ 10.0%	12.6%	2,015	7.1	0.9
TET	↑ 9.9%	3.9%	477	37.1	1.6
HCT	↑ 9.9%	3.6%	700	14.3	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	765,720	2.3%	381	47.8	1.1
DXG	697,240	13.9%	1,518	10.8	1.9
VCB	280,970	10.4%	1,881	16.3	1.7
ITA	223,150	1.3%	140	70.1	0.9
KBC	208,040	1.8%	250	50.4	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	219,900	9.1%	1,123	13.8	1.2
VND	93,000	10.8%	1,247	14.8	1.5
SDH	50,000	0.3%	26	260.2	0.8
VIG	40,000	3.0%	195	32.8	1.0
VCV	35,800	-140.5%	(4,637)	-	3.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	178,130	40.6%	6,484	14.5	5.3
VNM	118,352	39.6%	7,839	18.1	6.7
VCB	71,145	10.4%	1,881	16.3	1.7
MSN	70,551	3.2%	642	149.6	4.9
VIC	62,250	54.2%	7,404	9.3	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,758	6.6%	889	19.2	1.3
PVS	13,088	21.6%	3,707	7.9	1.6
SHB	9,747	8.6%	958	11.5	0.9
SQC	8,602	-2.0%	(249)	-	6.5
VCG	6,847	9.1%	1,123	13.8	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BVH	2.50	9.4%	1,672	25.9	2.4
SRF	2.32	11.6%	2,452	8.9	1.0
PPI	2.23	0.0%	8	1,620.5	0.6
FCM	2.12	15.0%	1,417	10.2	1.3
NKG	2.09	17.1%	1,734	7.8	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VCV	4.83	-140.5%	(4,637)	-	3.0
TTZ	4.16	0.3%	28	265.9	0.7
MMC	3.99	-18.7%	(1,863)	-	0.4
ORS	3.97	-84.1%	(4,875)	-	1.4
KHB	3.74	-2.9%	(443)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)